

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B

Mã sản phẩm : 100000029506

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Sika Limited (Vietnam)
Nhon Trach 1 Industrial Zone
Dong Nai Province

Điện thoại : +84 251 3 560 700

Telefax : +84 251 3 560 699

Địa chỉ e-mail : -

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : -

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

sử dụng sản phẩm : hệ thống trám/ kết dính

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 5

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 1B

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Tác nhân gây ung thư : Cấp 2

Độc tính sinh sản : Cấp 1B

Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ

Nguy hại hô hấp : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 2

Các yếu tố nhãn theo GHS

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H304 Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H360 Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.
H362 Có thể gây hại đến trẻ đang bú.
H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P263 Tránh tiếp xúc khi có thai/ khi cho con bú.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn:
Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Hydrocarbons, C10-C13, aromatics, <1% naphthalene	64742-94-5	>= 40 -< 60
3,6-diazaoctanethylenediamin	112-24-3	>= 10 -< 13
benzyl alcohol	100-51-6	>= 10 -< 13
3-aminomethyl-3,5,5-trimethylcyclohexylamine	2855-13-2	>= 7 -< 10
Adduct IA (epoxy amine adduct)	68609-08-5	>= 7 -< 10
2,4,6-tris(dimethylaminomethyl)phenol	90-72-2	>= 5 -< 7
bis[(dimethylamino)methyl]phenol	71074-89-0	>= 1 -< 1,5
naphthalene	91-20-3	>= 0,25 -< 0,5
2-(2-aminoethylamino)ethanol	111-41-1	>= 0,1 -< 0,3
2-piperazin-1-ylethylamine	140-31-8	>= 0,1 -< 0,25
3,6,9-triazaundecamethylenediamine	112-57-2	>= 0,1 -< 0,25

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sĩ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Hỏi ý kiến bác sĩ sau khi tiếp xúc nhiều.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm.
Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Cần điều trị y tế ngay lập tức vì các vết thương không được điều trị ở da do bị ăn mòn thường rất lâu và rất khó lành.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

- xúc với mắt : thương mô không thể phục hồi.
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ.
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Mở rộng mắt khi rửa.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Ngay lập tức đưa nạn nhân đi bệnh viện.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Các ảnh hưởng đến sức khỏe có thể được làm chậm.
Có nguy cơ gây ra tổn thương nặng cho phổi (nếu hít phải).
Các ảnh hưởng gây ăn mòn
Các ảnh hưởng gây nhạy cảm
Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.
Các phản ứng dị ứng
Viêm da
xem chương 11 để biết thêm thông tin chi tiết về ảnh hưởng sức khỏe & các triệu chứng
Có thể có hại nếu nuốt phải.
Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Nghỉ ngơi gây ung thư.
Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.
Có thể gây hại đến trẻ đang bú.
Gây bông nặng.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÒA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Không được phép vào khi chưa được trang bị an toàn
- Các cảnh báo về môi trường : Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa). Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không hít hơi hoặc bụi sương. Tránh vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cho phép (xem phần 8). Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Không nên sử dụng người có tiền sử bệnh về da, hen suyễn, dị ứng, bệnh hô hấp mãn tính hoặc dễ tái phát trong bất cứ quy trình nào có sử dụng chất pha chế này. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. tuân theo các tiêu chuẩn khi xử lý các sản phẩm hóa chất
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Lưu giữ trong bình chứa ban đầu. Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn. Lưu trữ theo các quy định của địa phương.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
naphthalene	91-20-3	TWA	40 mg/m ³	VN OEL
		STEL	75 mg/m ³	VN OEL
		TWA	10 ppm	ACGIH

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp : Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp trừ khi có hệ thống thông gió nội bộ phù hợp hoặc việc đánh giá chứng tỏ rằng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18
------------------	---	--	--

sự tiếp xúc nằm trong giới hạn phơi nhiễm đề xuất.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..

Bảo vệ tay	:	sử dụng găng tay kháng hóa chất, không thấm trong suốt quá trình thao tác với các sản phẩm hóa chất
Bảo vệ mắt	:	phải sử dụng kính mắt an toàn khi đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết
Bảo vệ da và cơ thể	:	Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể.
Các biện pháp vệ sinh	:	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	thể lỏng
Màu sắc	:	màu vàng đậm
Mùi đặc trưng	:	giống amin
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	Không áp dụng được
Điểm/khoảng nóng chảy / Điểm đông	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	Khoảng > 100 °C (> 100 °C) (Phương pháp: cốc kín)
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Áp suất hóa hơi	:	0,1 hPa
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	Khoảng 1 g/cm ³ (Khoảng 20 °C (20 °C))
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	không tan
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	< 20,5 mPa.s (40 °C (40 °C))
Độ nhớt, động học	:	< 20,5 mm ² /s (40 °C (40 °C))
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	:	Sản phẩm này ổn định về mặt hóa học.
Phản ứng nguy hiểm	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.
Các điều kiện cần tránh	:	chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Có thể có hại nếu nuốt phải.

Thành phần:

Hydrocarbons, C10-C13, aromatics, <1% naphthalene:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 đường miệng (Chuột): > 5.000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột): > 4,7 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp

3,6-diazaoctanethylenediamin:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 1.716 mg/kg
Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Thỏ): 1.465 mg/kg

benzyl alcohol:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 1.620 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 4,178 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương

3-aminomethyl-3,5,5-trimethylcyclohexylamine:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 1.030 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 5,01 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Thỏ): > 2.000 mg/kg

Adduct IA (epoxy amine adduct):

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột, con cái): 300 - 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 423

2,4,6-tris(dimethylaminomethyl)phenol:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 2.169 mg/kg

2-piperazin-1-ylethylamine:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 2.097 mg/kg
Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Thỏ): Khoảng 866 mg/kg

3,6,9-triazaundecamethylenediamine:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): 1.716,2 mg/kg
Độc tính cấp qua da : LD50 đường da (Chuột): 1.260 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Gây bỏng nặng.

Thành phần:

2,4,6-tris(dimethylaminomethyl)phenol:

Loài : Thỏ
Đánh giá : Ăn mòn
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Tồn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Thành phần:

2,4,6-tris(dimethylaminomethyl)phenol:

Loài : Thỏ
Đánh giá : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tác nhân gây ung thư

Nghi ngờ gây ung thư.

Độc tính sinh sản

Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.
Có thể gây hại đến trẻ đang bú.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính hô hấp

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Hydrocarbons, C10-C13, aromatics, <1% naphthalene:

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 1,1 mg/l
và các động vật không xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 48 h
(Tính độc mãn tính)

3,6-diazaoctanethylenediamin:

Độc đối với cá : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia (Rận nước Daphnia)): 10 - 100 mg/l
và các động vật không xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 48 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 10 - 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

benzyl alcohol:

Độc đối với cá : LC50 (Cá): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

3-aminomethyl-3,5,5-trimethylcyclohexylamine:

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 10 - 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Adduct IA (epoxy amine adduct):

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Tảo đơn bào Pseudokirchneriella subcapitata (tảo đơn bào Selenastrum capricornutum)): 3,13 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : LC50 (Danio rerio (cá vằn)): 1,62 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 1,75 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

2,4,6-tris(dimethylaminomethyl)phenol:

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Scenedesmus capricornutum (tảo nước ngọt)): > 10 - 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

naphthalene:

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

2-piperazin-1-ylethylamine:

Độc đối với cá : LC50 (Cá): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu hủy không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 2735
Tên vận chuyển thích hợp : AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S.
(Amines, polyethylenepoly-, triethylenetetramine fraction, solvent naphtha (petroleum), heavy arom.)

Hạng : 8
Nhóm hàng : II
Nhãn : 8

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 2735
Tên vận chuyển thích hợp : Amines, liquid, corrosive, n.o.s.
(Amines, polyethylenepoly-, triethylenetetramine fraction, solvent naphtha)

Hạng : 8
Nhóm hàng : II
Nhãn : Corrosive
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 855
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 851

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 2735

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

Tên vận chuyển thích hợp : AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S.
(Amines, polyethylenepoly-, triethylenetetramine fraction, solvent naphtha)
Hạng : 8
Nhóm hàng : II
Nhãn : 8
Mã EmS : F-A, S-B
Chất ô nhiễm đại dương : có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước : Không áp dụng được

Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC)

Danh mục hóa chất cấm : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (Phụ lục 1 Số: 28/2010/TT-BCT). : 3,6-diazaoctanethylenediamin
3-aminomethyl-3,5,5-trimethylcyclohexylamine
naphthalene
3,6,9-triazaundecamethylenediamine
2,2'-iminodiethylamine

Danh mục hóa chất phải khai báo : 3,6-diazaoctanethylenediamin
3-aminomethyl-3,5,5-trimethylcyclohexylamine
naphthalene
3,6,9-triazaundecamethylenediamine
2,2'-iminodiethylamine

Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sikadur®-20 Crack Seal Comp. B



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/18 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000029506 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/18

ACGIH	:	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL	:	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	:	Từng lần tối đa
ADR	:	Accord européen relatif au transport international des marchandises Dangereuses par Route
CAS	:	Chemical Abstracts Service
DNEL	:	Derived no-effect level
EC50	:	Half maximal effective concentration
GHS	:	Globally Harmonized System
IATA	:	International Air Transport Association
IMDG	:	International Maritime Code for Dangerous Goods
LD50	:	Median lethal dosis (the amount of a material, given all at once, which causes the death of 50% (one half) of a group of test animals)
LC50	:	Median lethal concentration (concentrations of the chemical in air that kills 50% of the test animals during the observation period)
MARPOL	:	International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 as modified by the Protocol of 1978
OEL	:	Occupational Exposure Limit
PBT	:	Persistent, bioaccumulative and toxic
PNEC	:	Predicted no effect concentration
REACH	:	Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council of 18 December 2006 concerning the Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals (REACH), establishing a European Chemicals Agency
SVHC	:	Substances of Very High Concern
vPvB	:	Very persistent and very bioaccumulative

thông tin trong bảng dữ liệu an toàn tương ứng với kiến thức & kinh nghiệm của chúng tôi tại thời điểm công bố
VN / VI